CHẤT LƯỢNG CAO GIA SƯ SƯ PHẠM CHUYÊN NGHIỆP GIA SƯ NGUYỄN DU www.giasunguyendu.com

ĐỀ KIỂM TRA ÔN TẬP THI HỌC KỲ 1
Môn: HÓA HỌC 12 ĐỀ 1

Cho biết: C = 12; H = 1; O = 16; N = 14; S = 32;
Al = 27; Mg = 24; Na = 23; Ca = 40; Ag = 108; Zn = 65; Fe = 56; Cu = 64; Cl = 35,5

Câu 1: Metyl axetat có công thức là:
A. CH_3COOCH_3 **B.** $C_2H_5COOCH_3$ **C.** $HCOOC_2H_5$ **D.** $CH_3COOCH{=}CH_2$

Câu 2: Có thể gọi tên este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ là:
A. Triolein **B.** Tristearin **C.** Tripanmitin **D.** stearic

Câu 3: Cho các chất hữu cơ: (1) CH_3COOH, (2) CH_3CH_2OH, (3) CH_3CH_2COOH, (4) $HCOOCH_3$. Thứ tự giảm ***dần*** nhiệt độ sôi là:
A. 3, 1, 4, 2 **B.** 1, 3, 2, 4 **C.** 4, 2, 1, 3 **D.** 3, 1, 2, 4

Câu 4: Cho 3 gam một este của axit cacboxylic no đơn chức và ancol no đơn chức phản ứng vừa hết với 50 ml dung dịch NaOH 1M. Tên gọi của este đó là:
A. Etyl axetat. **B.** Propyl fomat. **C.** Metyl axetat. **D.** Metyl fomat.

Câu 5: Khử hoàn toàn 17,6 gam hỗn hợp gồm Fe, FeO, Fe2O3 cần vừa đủ 4,48 lít khí CO (đktc). Khối lượng Fe thu được là
A. 14,5 gam. B. 15,5 gam. C. 14,4 gam. D. 16,5 gam.

Câu 6: Hỗn hợp A gồm 2 este (đơn chức no, mạch hở) của cùng 1 axit và 2 ancol liên tiếp nhau trong dãy đồng đẳng. A thủy phân vừa đủ bởi dung dịch chứa 12 gam NaOH tạo thành 24,6 gam muối và m gam ancol. Đem đốt cháy hoàn toàn ancol thì thu được 15,68 lít CO_2 (đktc). Công thức cấu tạo của 2 este là:
A. $HCOOCH_3$ và $HCOOC_2H_5$ **B.** $CH_3COOC_2H_5$ và $CH_3COOC_3H_7$
C. CH_3COOCH_3 và $CH_3COOC_2H_5$ **D.** $C_2H_5COOC_2H_5$ và $C_2H_5COOC_3H_7$

Câu 7: Hai chất đồng phân của nhau là:
A. Glucozơ và mantozơ. **B.** Fructozơ và glucozơ.
C. Fructozơ và mantozơ. **D.** Saccarozơ và glucozơ.

Câu 8: Công thức cấu tạo của xenlulozơ là:
A. $[C_6H_5O_2(OH)_3]_n$ **B.** $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$ **C.** $[C_6H_7O_3(OH)_3]_n$ **D.** $[C_6H_8O_2(OH)_3]_n$

Câu 9: Khi thủy phân saccarozơ trong môi trường axit vô cơ, đun nóng thì thu được
A. Ancol etylic. **B.** Glucozơ và fructozơ. **C.** Glucozơ. **D.** Fructozơ.

Câu 10: Cho dãy các chất: glucozơ, xenlulozơ, saccarozơ, tinh bột, fructozơ. Số chất trong dãy tham gia phản ứng tráng gương là:
A. 3 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 1

Câu 11: Thuốc thử để phân biệt glucozơ và fructozơ là:
A. $Cu(OH)_2$ **B.** Dung dịch brom.
C. Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 **D.** Quỳ tím

Câu 12: Cho m gam glucozơ phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 (đun nóng), thu được 64,8 gam Ag. Giá trị của m là:
A. 54 **B.** 36 **C.** 108 **D.** 216

Câu 13: Cho m gam tinh bột lên men thành ancol etylic với hiệu suất 90%. Toàn bộ lượng khí sinh ra được hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch $Ca(OH)_2$ lấy dư thu được 50 gam kết tủa. Giá trị của m là:
A. 45 gam **B.** 55 gam **C.** 36,45 gam **D.** 90 gam

Câu 14: Để sản xuất 29,7 gam xenlulozơ trinitrat (H = 75%) bằng phản ứng giữa dung dịch HNO_3 60% với xenlulozơ thì khối lượng dung dịch HNO_3 cần dùng là:
A. 42 kg **B.** 25,2 kg **C.** 31,5 kg **D.** 23,3 kg

Câu 15: Chất làm giấy quỳ tím ẩm chuyển thành màu xanh là:
A. $H_2N\text{-}CH_2\text{-}COOH$ **B.** CH_3NH_2 **C.** $C_6H_5NH_2$ **D.** CH_3COOH

Câu 16: Trong các tên gọi dưới đây, tên nào phù hợp với chất $CH_3–CH(CH_3)–NH_2$?
A. Metyletylamin. **B.** Etylmetylamin. **C.** Isopropanamin. **D.** Isopropylamin.

Câu 17: Số đồng phân amin có công thức phân tử C_3H_9N là:

A. 4. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 5.

Câu 18: Dãy gồm các chất được xếp theo chiều tính bazơ ***tăng dần*** từ trái sang phải là:

A. CH_3NH_2, NH_3, $C_6H_5NH_2$ **B.** $C_6H_5NH_2$, CH_3NH_2, NH_3

C. $C_6H_5NH_2$, NH_3, CH_3NH_{2n} **D.** NH_3, $C_6H_5NH_2$, CH_3NH_2

Câu 19: Cho 37,5 gam axit aminoaxetic (H_2N-CH_2-COOH) phản ứng hết với dung dịch HCl. Sau phản ứng, khối lượng muối thu được là:

A. 55,75 gam. **B.** 45,45 gam. **C.** 35,65 gam. **D.** 75,15 gam.

Câu 20: Cho 2,67 gam alanin phản ứng hết với dung dịch NaOH. Khối lượng muối thu được là:

A. 4,44 gam. **B.** 3,33 gam. **C.** 11,1gam. **D.** 2,88 gam.

Câu 21: Cho 10 gam hỗn hợp 3 amin đơn chức, no đồng đẳng liên tiếp (theo tỉ lệ mol 1 : 10 : 5 theo phân tử khối tăng dần) tác dụng vừa đủ với HCl thu được 15,84 gam muối. Công thức phân tử của 3 amin lần lượt là:

A. CH_5N, C_2H_7N, C_3H_9N **B.** C_2H_7N, C_3H_9N, $C_4H_{11}N$

C. C_3H_7N, C_4H_9N, $C_5H_{11}N$ **D.** C_3H_9N, $C_4H_{11}N$, $C_5H_{13}N$

Câu 22: Hòa tan hoàn toàn 2,8 gam một kim loại bằng dung dịch H2SO4 loãng, thu được 1,12 lít khí (ở đktc). Kim loại đó là

A. Na B. Mg C. Al D. Fe

Câu 23: Cho dãy các chất: CH_2=CHCl, C_2H_4, CH_3-CH_3, CH_2=CH-CH=CH_2, H_2NCH_2COOH, CH_2=CHCN. Số chất trong dãy có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp là:

A. 5 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 2

Câu 24: Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp

A. CH_2=$CHCOOCH_3$. **B.** CH_2=$C(CH_3)COOCH_3$.

C. C_6H_5CH=CH_2. **D.** CH_3COOCH=CH_2.

Câu 25: Tơ nilon - 6 thuộc loại

A. Tơ nhân tạo. **B.** Tơ bán tổng hợp. **C.** Tơ thiên nhiên. **D.** Tơ tổng hợp.

Câu 26: Cho sơ đồ chuyển hoá: Glucozơ → X → Y → Cao su Buna. Hai chất X, Y lần lượt là:

A. CH_3CH_2OH và CH_3CHO **B.** CH_3OH và CH_2=CH_2

C. CH_3CH_2OH và CH_3-CH=CH_2 **D.** CH_3CH_2OH và CH_2=CH-CH=CH_2

Câu 27: Phát biểu nào sau đây là ***đúng***?

A. Tơ visco thuộc loại tơ tổng hợp.

B. Đồng trùng hợp buta-1,3-đien với acrilonitrin có xúc tác Na được cao su buna-N.

C. Trùng hợp stiren thu được poli(phenol-fomanđehit).

D. Thành phần chính của cao su thiên nhiên là polibuta-1,3-đien

Câu 28: Dẫn 3,36 lít CO2 (ở đktc) vào 1 lít dung dịch hỗn hợp gồm NaOH 0,5M và Ba(OH)2 0,2 M. Sau phản ứng, khối lượng kết tủa thu được là

A. 20,77 g. B. 19,70 g. C. 29,55 g. D. 30,61 g

Câu 29: Cho khí CO dư đi qua hỗn hợp gồm CuO, FeO, Al2O3 và MgO đun nóng. Khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất rắn gồm có

A. Cu, Fe, Al2O3, Mg B. Cu, FeO, Al2O3, MgO

C. Cu, FeO, Al, MgO D. Cu, Fe, Al2O3, MgO

Câu 30: Để sản xuất 950 kg poli(vinyl clorua) từ khí thiên nhiên (chứa 95% CH_4). Biết hiệu suất quá trình điều chế là 40%. Thể tích khí thiên nhiên (đktc) cần dùng là:

A. 1344 lít **B.** 1702,4 lít **C.** 1792 lít **D.** 896 lít

Câu 31: Dãy kim loại được sắp xếp theo chiều ***tăng dần*** về khả năng dẫn điện là:

A. Fe, Al, Au, Ag, Cu **B.** Al, Fe, Cu, Au, Ag

C. Fe, Al, Au, Cu, Ag **D.** Ag, Cu, Au, Al, Fe

Câu 32: Cho 12 gam hỗn hợp Fe và Cu tác dụng hết với dung dịch HNO3 đặc, nóng, dư thu được 11,2 lít NO2 (đktc). Khối lượng Fe và Cu trong hỗn hợp lần lượt là

A. 2,8g và 9,2g B. 5,6g và 6,4g C. 8,4g và 3,6g D. 6,0g và 6,0g

Câu 33: Kim loại có độ cứng lớn nhất trong các kim loại là:

A. Vonfam. **B.** Crom **C.** Sắt **D.** Đồng

Câu 34: Kim loại Cu không phản ứng được với dung dịch

A. $Fe(NO_3)_3$ **B.** $AgNO_3$ **C.** HNO_3 **D.** $Pb(NO_3)_2$

Câu 35: Dãy gồm các kim loại được xếp theo thứ tự tính khử ***tăng dần*** từ trái sang phải là:

A. Al, Mg, Fe **B.** Fe, Al, Mg **C.** Fe, Mg, Al **D.** Mg, Fe, Al

Câu 36: Phương pháp thích hợp điều chế kim loại K là:

A. Điện phân dung dịch KCl. **B.** Điện phân KCl nóng chảy.

C. Nhiệt phân KCl. **D.** Nhiệt phân KCl nóng chảy.

Câu 37: Cho 24,3 gam hỗn hợp bột kim loại Mg, Fe và Al tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl thu được 14,56 lít khí H_2 (đktc). Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam muối khan. Giá trị của m là:

A. 70,45 gam **B.** 47,375 gam **C.** 35,8375 gam **D.** 40,545 gam

Câu 38: Để khử hoàn toàn 19,36 gam hỗn hợp CuO, FeO, Fe_2O_3, Fe_3O_4 cần dùng 7,392 lít khí CO (ở đktc). Khối lượng chất rắn sau phản ứng là:

A. 14,08 gam. **B.** 15,08 gam. **C.** 10,05 gam. **D.** 10,45 gam.

Câu 39: Cho 15,6 gam hỗn hợp X gồm Zn, Fe, Cu vào dung dịch chứa 256 gam dung dịch $CuSO_4$ 20%. Sau phản ứng thu được dung dịch Y và còn lại chất rắn chứa

A. Cu **B.** Cu, Fe **C.** Cu, Zn, Fe **D.** Zn, Cu

Câu 40: Cho m gam Mg vào 1 lít dung dịch $Cu(NO_3)_2$ 0,1M và $Fe(NO_3)_2$ 0,1M. Sau phản ứng thu được 9,2 gam chất rắn và dung dịch B. Giá trị m là:

A. 3,36 gam **B.** 3,6 gam **C.** 2,88gam **D.** 4,8 gam.

---------- HẾT ----------